

Bản án số:06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 4 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân :* Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

**- *Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:***  
Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1991

ĐKKH: T1, Q, Kinh Môn, Hải Dương

Tạm trú: Thôn 2, phường H, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- *Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1989.

ĐKKH: T1, Q, Kinh Môn, Hải Dương.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**-*Người làm chứng:*** 1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: T1, Q, Kinh Môn, Hải Dương.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 2, phường H, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức Q kết hôn với nhau vào ngày 26/11/2015, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q trên tinh thần tự nguyện.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh Q chơi bời

không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Dẫn đến vợ chồng phải vay nợ, nhiều khi chị còn phải trả nợ thay anh Q. Quá trình đó chị và gia đình hai bên có động viên thuyết phục anh Q nhiều lần, song anh Q không thay đổi. Cảm thấy cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi nên chị và anh Q đã sống ly thân từ 2017 cho đến nay, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung là cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 29/6/2016. Hiện cháu N1 đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị xin được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Q không có mặt theo giấy triệu tập, Tòa án tiến hành làm việc tại địa phương, bà Nguyễn Thị Đ (mẹ anh Q) xác định anh Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh nhất trí việc ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung theo yêu cầu của chị H. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Q không xác định gì nên bà cũng không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T (bố chị H) xác định: Quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Q mâu thuẫn, tự sống ly thân từ năm 2017. Hiện chị H đang ở cùng gia đình ông. Nay quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Q không thể hàn gắn được, nên gia đình ông cũng tôn trọng quyết định của chị H và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để sớm đảm bảo cuộc sống ổn định cho chị H. Trong trường hợp chị H đề nghị xin nuôi con thì gia đình ông cũng sẽ có trách nhiệm hỗ trợ hết khả năng cho chị H.

Xác minh tại địa phương xã Q cung cấp: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đức Q kết hôn với nhau vào ngày 26/11/2015, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 9/2019 chị H đã xin tạm trú về H, Kinh Môn, Hải Dương, còn nhân khẩu của anh Q vẫn do địa phương quản lý. Nay chị H có quan điểm xin ly hôn, anh Q nhất trí và có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung thì địa phương cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh Q đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, mọi quan điểm vẫn đề nghị HĐXX giải quyết theo nguyện vọng đã trình bày.

Đoàn VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự cũng đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Đức Q. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 29/6/2016 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Đức Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án giải quyết chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đức Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đức Q là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H kết hôn với anh Nguyễn Đức Q trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị H đề nghị xin ly hôn anh Q, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, cũng như về phương thức làm ăn, dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2017, chị H đã bỏ về nH bố mẹ đẻ ở, mọi quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Q hoàn T bị cắt đứt. Tại phiên tòa chị H và anh Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không tHnh, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Đức Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q có một con chung là cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 29/6/2016. Hiện cháu đang do chị H trực tiếp chăm sóc.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của đôi bên cũng như để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu N1, nên cần chấp nhận giao cháu N1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Chị H và anh Q đều không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đức Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 29/6/2016 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000493 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi Hình án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đức Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**